

*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2012*

## **TÀI LIỆU**

### **Phổ biến Luật Giáo dục đại học cho cán bộ, viên chức ĐHQGHN**

---

#### **I. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU**

##### **1. Mục đích**

Đây là tài liệu do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) xây dựng nhằm phổ biến, tuyên truyền một cách tổng quan về Luật Giáo dục đại học được Quốc hội thông qua ngày 18/06/2012 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2013.

##### **2. Nội dung**

Tài liệu mô tả ngắn gọn bối cảnh ra đời của Luật cũng như nội dung những quy định có liên quan trực tiếp tới ĐHQGHN và những điều khoản có liên quan tới cán bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục đại học.

##### **3. Đối tượng đích của tài liệu**

Đối tượng đích mà tài liệu hướng đến là cán bộ, viên chức của ĐHQGHN.

##### **4. Các kênh và hình thức phổ biến, tuyên truyền**

Để đảm bảo tài liệu này đến được với đông đảo cán bộ, viên chức, các phòng ban chức năng và các đơn vị thành viên cần tích cực giới thiệu tài liệu này tới các đối tượng có liên quan thông qua các kênh thông tin khác nhau. Cụ thể, các đơn vị của ĐHQGHN có thể giới thiệu tài liệu trên trang mạng của đơn vị mình. Trong các buổi họp giao ban toàn đơn vị, tài liệu cũng có thể được giới thiệu tới những người tham dự các buổi họp. Toàn bộ hoặc một phần tài liệu có thể được trích dẫn để đưa vào tập san, bản tin của đơn vị.

#### **II. NỘI DUNG TÀI LIỆU**

##### **1. Bối cảnh ra đời Luật Giáo dục đại học 2012**

Luật Giáo dục của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng từ năm 1998, qua nhiều lần chỉnh sửa đã có tác dụng tích cực trong việc điều chỉnh hoạt động giáo dục trong phạm vi cả nước. Tuy nhiên, Luật Giáo dục vốn là luật khung, không đủ chi tiết để điều chỉnh một cách hiệu quả hoạt động giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay.

Đồng thời, kinh nghiệm quốc tế cho thấy có rất nhiều quốc gia trên thế giới thông qua luật chuyên ngành để điều chỉnh giáo dục đại học, hoạt động của các trường đại học. Thậm chí, có những quốc gia trên thế giới còn xây dựng và thông qua một luật riêng về Đại học Quốc gia (ĐHQG) như Cộng hòa Liên bang Nga, Australia, Ireland, Singapore, Nhật Bản, Phi-lip-pin, v.v.

Trong bối cảnh đó, Luật Giáo dục đại học (GDĐH) của Việt Nam đã được Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012 với số tán thành 84,57%. Ngày 16/7, Văn phòng Chủ tịch Nước đã tổ chức công bố Sắc lệnh của Chủ tịch Nước về việc ban hành Luật GDĐH, theo đó Luật sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. Điều này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc luật hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về GDĐH nói chung và về ĐHQGHN nói riêng, hướng tới xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

## **2. Giới thiệu về Luật giáo dục đại học 2012**

### **2.1. Giới thiệu chung về Luật GDĐH**

Luật GDĐH gồm 7 chương, 73 điều, quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở GDĐH, hoạt động đào tạo (ĐT), hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng GDĐH, giảng viên, người học, tài chính, tài sản của cơ sở GDĐH và quản lý nhà nước về GDĐH. Điều 1 của Luật về phạm vi điều chỉnh đã nêu rõ là “*Luật này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, giảng viên, người học, tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục đại học và quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*”

Điều 2 “*Đối tượng áp dụng*” của Luật GDĐH nêu rõ “*Luật này áp dụng đối với các trường cao đẳng, trường đại học, học viện, đại học vùng, đại học quốc gia; viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; tổ chức và cá nhân có liên quan đến giáo dục đại học*”. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của luật bao gồm cả các ĐHQG.

Triết lý chính của Luật GDĐH là trao quyền tự chủ phù hợp với năng lực thực hiện của các cơ sở GDĐH, theo sự phân tầng, xếp hạng đại học. Đồng thời, trong Luật GDĐH cũng làm rõ mô hình ĐHQG nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các mô hình này phát triển theo đúng tiềm năng và kỳ vọng. Đây là lần đầu tiên mô hình ĐHQG được chính thức đưa vào các văn bản luật do Quốc hội ban hành. Thuật ngữ “Đại học Quốc gia” được sử dụng trực tiếp 16 lần, tại 5 điều của 3 chương trong luật và trở thành một trong những thuật ngữ thông dụng trong luật. Ngoài ra, thuật ngữ “đại học” (được dùng để

chỉ đại học vùng và ĐHQG) cũng được sử dụng 27 lần trong các điều khoản của luật. Đặc biệt, Luật GDDH năm 2012 đã dành toàn bộ Điều 8 với những quy định riêng về ĐHQG.

Sau khi Luật GDDH được thông qua, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan sẽ xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện bao gồm việc chỉnh sửa Nghị định về ĐHQG, Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của ĐHQG, v.v.

## **2.2. Những quy định liên quan đến Đại học Quốc gia**

### **2.2.1. ĐHQG được xác định nằm trong hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân**

Bên cạnh Điều 2 “Đối tượng áp dụng” của Luật GDDH đã nêu rõ ĐHQG thuộc đối tượng áp dụng của luật, Điều 7 của luật cũng xác định ĐHQG là cơ sở GDDH trong hệ thống giáo dục quốc dân.

### **2.2.2. Địa vị pháp lý của ĐHQG được khẳng định trong luật**

Luật GDDH đã dành riêng điều 8 qui định về địa vị pháp lý của ĐHQG. Cụ thể

*“Điều 8. Đại học quốc gia*

*1. Đại học quốc gia là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.*

*2. Đại học quốc gia có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy. Đại học quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các cấp nơi đại học quốc gia đặt địa điểm, trong phạm vi chức năng theo quy định của Chính phủ và phù hợp với pháp luật.*

*Đại học quốc gia được làm việc trực tiếp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để giải quyết những vấn đề liên quan đến đại học quốc gia. Khi cần thiết, giám đốc đại học quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề liên quan đến hoạt động và phát triển của đại học quốc gia.*

*3. Chủ tịch hội đồng đại học quốc gia và giám đốc, phó giám đốc đại học quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.*

*4. Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia.”*

### **2.2.3. Cơ cấu tổ chức của ĐHQG, Hội đồng ĐHQG, nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHQG luật hoá**

Điều 15 “Cơ cấu tổ chức của đại học” trong luật qui định về cơ cấu của ĐHQG

gồm Hội đồng ĐHQG, Ban Giám đốc, Văn phòng, các Ban chức năng, các đơn vị thành viên, các đơn vị trực thuộc, phục vụ, các hội đồng tư vấn, v.v.

Điều 18 “Hội đồng đại học” qui định những nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đại học (gồm cả Hội đồng ĐHQG) như “*Phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đại học, phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục; cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của đại học; thành lập, giải thể, sáp nhập, chia, tách các tổ chức quy định theo thẩm quyền; thông qua đề án thành lập, giải thể, sáp nhập, chia, tách các tổ chức theo thẩm quyền; Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng đại học, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đại học*”.

Ngoài qui định chung về cơ cấu, thành phần của Hội đồng tại điều 18, Khoản 2, Điều 8 trong luật qui định rõ “*Chủ tịch hội đồng đại học quốc gia ... do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm*”. Đây là một điểm mới so với qui định hiện hành về Hội đồng ĐHQG trong Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của ĐHQG (gọi tắt là Quy chế 16).

Khoản 4, Điều 18 “luật cũng nêu rõ thêm là “*Thủ tục thành lập, số lượng và cơ cấu thành viên; nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng đại học; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tịch, thư ký; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học*”.

Khoản 1, Điều 29 Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học nêu rõ, “*Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học bao gồm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đại học; Quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động đào tạo của đại học; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, chia sẻ tài nguyên và cơ sở vật chất dùng chung trong đại học; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ GD&ĐT, Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đại học đặt trụ sở theo quy định; và được chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, NCKH, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức bộ máy.*”

Đồng thời, Khoản 2, Điều 29 “Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học” nêu “*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên*”.

#### **2.2.4. ĐHQG có quyền tự chủ cao trong hoạt động**

Bên cạnh quyền tự chủ chung đối với các cơ sở GDDH khác, luật cũng qui định ĐHQG quyền tự chủ cao trong đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế. Ngoài qui định chung

về quyền tự chủ cao tại Khoản 2, điều 8; điểm đ, khoản 1, điều 29, luật, luật cũng có một số qui định cụ thể.

Điều 33 “Mở ngành, chuyên ngành đào tạo” Khoản 2, quy định “*Đại học quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt thuộc lĩnh vực đào tạo của nhà trường khi có đủ năng lực đáp ứng các điều kiện theo quy định.*”

Khoản 2, Điều 45 “Liên kết đào tạo với nước ngoài” qui định “*Giám đốc đại học phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại đại học.*”

### **2.3. Một số quy định liên quan đến giảng viên**

Luật GDDH dành chương VIII bao gồm 5 điều (từ 54-58) đề cập tới các vấn đề có liên quan đến giảng viên đại học.

Điều 55 “Giảng viên” nêu qui định, yêu cầu về nhân thân, phẩm chất đạo đức, điều kiện sức khỏe, các chức danh và trình độ chuyên môn chuẩn , v.v của giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học. Luật qui định rõ giảng viên giảng dạy đại học phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Trường hợp đặc biệt ở một số ngành chuyên môn đặc thù sẽ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.

Điều 55, quy định những “nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên” về giảng dạy, nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng. Luật qui định cả những qui tắc đạo đức mà các giảng viên phải tuân theo như “*giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự*” của mình đồng thời “*tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học*”. Điều này cũng nêu rõ vai trò và quyền của giảng viên trong việc tham gia vào công tác quản lý, giám sát các hoạt động của cơ sở GDDH. Theo đó, giảng viên có quyền “*tham gia quản lý và giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và tham gia các công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác*”, cũng như “*được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.*”

Điều 56 “Chính sách đối với giảng viên” qui định về các chính sách đối với giảng viên. Theo đó giảng viên được nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và các ưu đãi khác như phụ cấp, về chỗ ở cho giảng viên ở các vùng có điều kiện khó khăn theo các quy định của Chính phủ. Đặc biệt, Khoản 4, Điều 56 qui định “*Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư công tác trong cơ sở giáo dục đại*

*học có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu”. Đây là qui định mới, vì việc kéo dài thời gian làm việc cho giảng viên không chỉ dành cho những giảng viên có chức danh từ phó giáo sư trở lên như hiện nay, mà còn cả cho cả những giảng viên có trình độ tiến sĩ.*

Điều 58 qui định rõ các hành vi giảng viên không được làm như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác; gian lận trong hoạt động đào tạo, NCKH; lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.